

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TỪ HIỆP ĐỊNH “THẾ HỆ MỚI” CỦA EVFTA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

● TS. NGUYỄN THỊ THU TRANG - VCCI

Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) được biết đến như một trong những Hiệp định thương mại tự do (FTA) “thế hệ mới” đáng chú ý nhất của Việt Nam (bên cạnh Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương - CPTPP). Những cam kết xuất phát từ tính chất “thế hệ mới” này của Hiệp định EVFTA dẫn tới những tác động đặc thù tới nhiều khía cạnh kinh tế, xã hội, và môi trường của Việt Nam, qua đó tạo ra những cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế, các doanh nghiệp cũng như các chủ thể khác có liên quan. Bài viết này phân tích các đặc điểm của một FTA thế hệ mới với các dẫn chứng cụ thể từ các nội dung cam kết trong Hiệp định EVFTA và đánh giá các cơ hội cũng như thách thức từ các đặc trưng FTA “thế hệ mới” này của Hiệp định EVFTA đối với Việt Nam.

Mỗi FTA đều mang lại các cơ hội và thách thức nhất định đối với Việt Nam tùy thuộc vào phạm vi, nội dung và các mức độ cam kết của FTA đó. Với những đặc điểm đặc trưng rất khác biệt so với các FTA “truyền thống”, các FTA “thế hệ mới” được đánh giá là đang và sẽ mang lại cho Việt Nam những cơ hội và thách thức khác biệt so với các FTA trước đây. Nội dung dưới đây phân tích về các tác động có tính “khác biệt” này của Hiệp định EVFTA với tính chất là FTA “thế hệ mới” đối với Việt Nam ngoài các tác động thông thường của các FTA truyền thống.

Cơ hội từ Hiệp định “thế hệ mới” EVFTA

Phân tích các cam kết đặc trưng cho tính “thế hệ mới” của Hiệp định EVFTA và đánh giá các tác động trực tiếp và trong lâu dài của các cam kết này đối với Việt Nam cho thấy, Hiệp định EVFTA có thể mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội ở cả ba khía cạnh bao gồm kinh tế, xã hội - môi trường và thể chế.

Các cơ hội về kinh tế

Nhiều cơ hội từ góc độ kinh tế được kỳ vọng từ các cam kết “thế hệ mới” trong Hiệp định EVFTA, đặc biệt là trong xuất nhập khẩu, phát triển thị trường dịch vụ, thu hút đầu tư nước ngoài và thúc đẩy chi tiêu công hiệu quả.

Về xuất nhập khẩu, như bất kỳ FTA nào khác, Hiệp định EVFTA bao gồm các cam kết loại bỏ thuế quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với EU, qua đó mang lại các cơ hội tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa có thể mạnh của Việt Nam và nhập khẩu các sản phẩm mà Việt Nam có nhu cầu cao từ EU. Tuy nhiên, với các cam kết loại bỏ thuế quan gần như tuyệt đối - đặc trưng của FTA “thế hệ mới”, các cơ hội xuất nhập khẩu mà Hiệp định EVFTA mang lại cho doanh nghiệp Việt Nam được đánh giá là lớn hơn đáng kể so với các FTA trước đây.

Ví dụ, đối với xuất khẩu, ngay từ 1/8/2020 khi Hiệp định có hiệu lực, 85,6% dòng thuế đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào EU đã được loại

bỏ thuế, từ 1/1/2028, con số này là 99,2% dòng thuế, 0,8% số dòng thuế còn lại cũng được hưởng mức thuế trong hạn ngạch là 0%. Nói cách khác trong Hiệp định EVFTA, EU đã tự do hóa tuyệt đối về thuế quan cho hàng hóa xuất khẩu Việt Nam. Đây là mức cam kết ưu đãi thuế quan cao nhất và với lộ trình ngắn nhất mà một đối tác FTA đã dành cho Việt Nam, kể cả FTA “thế hệ mới” như Hiệp định CPTPP.

Bản thân mức độ mở cửa này của EU đã tạo cho Việt Nam cơ hội đặc biệt lớn về tăng trưởng xuất khẩu, từ đó tăng lợi nhuận của doanh nghiệp, cơ hội việc làm và thu nhập cho người lao động. Đồng thời, đặt trong bối cảnh đối tác cụ thể là EU, với vị thế là thị trường có sức mua lớn thứ hai thế giới, khả năng chi trả cao, cơ cấu sản phẩm bổ sung, và chưa có FTA với bất kỳ đối thủ cạnh tranh trực tiếp nào của Việt Nam trong ASEAN cũng như ở cả khu vực châu Á, mức độ “tự do hóa” tuyệt đối này tạo ra cơ hội có một không hai cho Việt Nam trong tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa, đặc biệt là các sản phẩm như nông thủy sản, đồ gỗ, dệt may, giày dép không chỉ ở EU mà còn trong tổng xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới.

Đối với nhập khẩu, tương ứng với cam kết của EU, Việt Nam cũng có cam kết “tự do hóa” ở mức cao nhất, với lộ trình ngắn nhất dành cho một đối tác FTA trong EVFTA. Cụ thể, Việt Nam cam kết loại bỏ thuế quan hoàn toàn với 48,5% dòng thuế cho hàng hóa nhập

khẩu từ EU ngay khi Hiệp định có hiệu lực và 98,3% dòng thuế từ 1/1/2031 (số 1,7% còn lại Việt Nam có cam kết về hạn ngạch thuế quan, và chỉ không cam kết với một số rất ít các dòng thuế liên quan tới sản phẩm ô tô). Đây là cơ hội để các doanh nghiệp Việt Nam có thể tiếp cận với nguồn máy móc, thiết bị, công nghệ, nguyên phụ liệu (hạt nhựa, chất dẻo, nguyên phụ liệu dệt may...) với giá hợp lý, chất lượng tốt từ khu vực nắm giữ nhiều công nghệ nguồn, công nghệ hiện đại của thế giới. Xa hơn nữa, Việt Nam cũng có thể hy vọng về cơ hội hiện đại hóa, nâng cao năng lực sản xuất và sức cạnh tranh của sản phẩm từ việc tận dụng cam kết EVFTA ở khía cạnh này.

Về mở cửa thị trường dịch vụ, với tính chất là một FTA “thế hệ mới”, Hiệp định EVFTA đi xa hơn hầu hết các FTA mà Việt Nam đã có trong cam kết về mở cửa các thị trường dịch vụ, cả của Việt Nam cho nhà cung cấp dịch vụ EU và ngược lại. Việc Việt Nam mở rộng cửa, hạ thấp các điều kiện tiếp cận thị trường và bảo đảm các biện pháp quản lý thuận lợi cho nhà cung cấp dịch vụ EU dự kiến sẽ giúp doanh nghiệp, khách hàng Việt Nam được tiếp cận các dịch vụ kinh doanh (y tế, nghiên cứu phát triển, chụp ảnh chuyên biệt, hội chợ triển lãm), dịch vụ thông tin (bưu chính, viễn thông), dịch vụ phân phối, môi trường, tài chính và đặc biệt là dịch vụ vận tải tiêu chuẩn cao, chất lượng tốt của EU một cách thuận lợi và dễ dàng hơn.

Trong bối cảnh chi phí dịch vụ đang chiếm một tỷ lệ đáng kể trong tổng chi phí mà các doanh nghiệp sản xuất đang phải chi trả, rõ ràng sự có mặt của các nhà cung cấp dịch vụ EU, đặc biệt trong các lĩnh vực dịch vụ phục vụ sản xuất, mở ra cơ hội giảm giá thành và nâng cao sức cạnh tranh của nhiều hàng hóa Việt Nam. Từ góc độ EU, trong Hiệp định thế hệ mới này, 27 nước thành viên EU cũng cam kết mở cửa rộng hơn cho các nhà cung cấp dịch vụ Việt Nam

trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là du lịch, các dịch vụ chuyên môn, tài chính. Đây là cơ hội để các nhà cung cấp dịch vụ Việt Nam mở rộng phạm vi kinh doanh sang thị trường EU, tiếp cận nguồn khách hàng rất tiềm năng này.

Về đầu tư nước ngoài, với một hệ thống các chuẩn ứng xử hiện đại được ghi nhận rõ ràng (đặc biệt là các nguyên tắc không phân biệt đối xử, không can thiệp vào quyền tự quyết của nhà đầu tư nước ngoài), và với cam kết mở cửa thị trường ổn định cho đầu tư trong các lĩnh vực sản xuất hàng hóa trong Hiệp định EVFTA, Việt Nam có thêm điểm cộng quan trọng trong lựa chọn của các nhà đầu tư EU. Điều này được kỳ vọng sẽ thu hút nguồn vốn đầu tư có chất lượng từ EU vào Việt Nam. Hơn thế nữa, với Hiệp định EVFTA, Việt Nam trở thành điểm kết nối quan trọng giữa thị trường châu Á với EU, từ đây tạo nên sức hấp dẫn cho đầu tư nước ngoài từ các nguồn khác ngoài EU tới Việt Nam để tận dụng các cơ hội về tăng trưởng kinh tế.

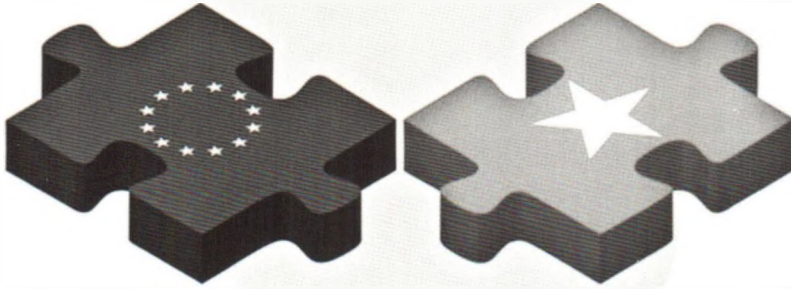
Vì vậy, nhiều nhà quan sát cho rằng, những cam kết “thế hệ mới” về đầu tư trong Hiệp định EVFTA nói riêng và các cơ hội kinh tế từ hiệp định “thế hệ mới” EVFTA nói chung sẽ là đòn bẩy tăng trưởng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, qua đó mang lại không chỉ nguồn lực về vốn mà còn cả về năng lực công nghệ, kinh nghiệm quản trị cho Việt Nam.

Về mua sắm công, với tính chất của một FTA “thế hệ mới”, Hiệp định EVFTA lần đầu tiên mở cửa thị trường mua sắm công của Việt Nam cho các nhà thầu EU và ngược lại. Đối với Việt Nam, điều này đồng nghĩa với việc các nhà thầu EU được tham gia cạnh tranh công bằng với nhà thầu Việt Nam trong một số gói thầu giá trị lớn. Đồng thời, quy tắc đấu thầu trong các gói thầu này phải bảo đảm các nguyên tắc minh bạch và hiệu quả cao hơn so với các quy định hiện hành. Điều này có thể khiến các nhà thầu Việt Nam vất vả hơn trước các đối thủ mạnh từ EU, nhưng trong tổng

thể sẽ giúp cho quy trình đấu thầu ở Việt Nam minh bạch và cạnh tranh hơn, hạn chế các hiện tượng tiêu cực, từ đó tăng tính hiệu quả trong chi tiêu mua sắm từ nguồn ngân sách Nhà nước. Ở chiều ngược lại, việc EU mở cửa thị trường mua sắm công khổng lồ của mình cho nhà thầu Việt Nam thông qua các cam kết trong Hiệp định EVFTA cho phép doanh nghiệp Việt Nam có thể tiếp cận và tham gia cung ứng trực tiếp các loại hàng hóa, dịch vụ cho các đơn vị sử dụng ngân sách của EU cũng như của 27 nước thành viên EU. Đây là cơ hội bổ sung rất có ý nghĩa, đặc biệt cho hàng hóa Việt Nam ở EU bên cạnh cơ hội tạo ra từ các ưu đãi thuế quan của Hiệp định EVFTA.

Cơ hội về thể chế

Là FTA “thế hệ mới” với các cam kết quy tắc điều chỉnh các vấn đề thể chế đằng sau đường biên giới, Hiệp định EVFTA dự kiến sẽ mang lại những thay đổi tích cực về thể chế, đặc biệt là thể chế kinh tế, cho Việt Nam. Các cam kết trong Hiệp định EVFTA, đặc biệt là các quy tắc nhằm bảo đảm môi trường cạnh tranh và bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh (Chương Cạnh tranh), các yêu cầu về bảo hộ tài sản sở hữu trí tuệ chặt chẽ qua đó thúc đẩy sáng tạo và phát triển nền kinh tế tri thức (Chương Sở hữu trí tuệ), các quy định nghiêm khắc về quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp nhà nước trong hoạt động thương mại (Chương Doanh nghiệp nhà nước), các quy tắc ổn định và thống nhất trong quản lý viễn thông và hoạt động thương mại trên môi trường điện tử (Chương Dịch vụ, thương mại điện tử) được đánh giá là sẽ làm thay đổi các thể chế pháp luật và thực tiễn liên quan của Việt Nam trong các khía cạnh liên quan. Thông qua các quy định pháp luật, chính sách nội địa được ban hành để triển khai thực hiện các cam kết này ở Việt Nam, các doanh nghiệp sẽ có cơ hội có được môi trường thể chế an toàn hơn, thuận lợi và tự do hơn, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế hơn, có cơ hội để chuyển đổi số và



Nguồn: **VnEconomy**

hướng tới nền kinh tế số, kinh tế tri thức trong tương lai.

Cơ hội về xã hội - môi trường

Các cam kết về thương mại và phát triển bền vững trong Hiệp định EVFTA thể hiện một trong các đặc trưng tiêu biểu nhất của các FTA “thế hệ mới”. Với các cam kết này, Việt Nam phải thực thi một số tiêu chuẩn nhất định về phát triển bền vững, đặc biệt là về lao động và môi trường, cả trong hiện tại cũng như định hướng tương lai. Việc cam kết và sau đó triển khai thực hiện các tiêu chuẩn xã hội - môi trường này một mặt giúp Việt Nam bảo đảm được các yếu tố cơ bản và cần thiết cho sự phát triển các yếu tố xã hội, bảo vệ môi trường một cách hài hòa trong quá trình phát triển kinh tế, qua đó thực hành phát triển bền vững. Người lao động, doanh nghiệp, môi trường Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ việc thực hiện các cam kết này. Đây cũng là tiền đề để Việt Nam tiếp tục phát triển ổn định, bao trùm, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, không để ai lại phía sau.

Từ góc độ khác, đặc biệt đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, việc Việt Nam thực thi các cam kết về phát triển bền vững theo các tiêu chuẩn EU trong Hiệp định EVFTA sẽ là sự bảo đảm, chứng thực có ý nghĩa cho doanh nghiệp Việt Nam trước các yêu cầu khắt khe của khách hàng châu Âu cũng như

những nước phát triển trên thế giới về các khía cạnh liên quan. Điều này sẽ là một sự bảo chứng, giúp xuất khẩu Việt Nam có thể phát triển ổn định, bền vững trong bối cảnh các thị trường xuất khẩu, cả Nhà nước và người tiêu dùng, đều quan tâm ngày càng nhiều hơn, đặt ra các đòi hỏi ngày càng cao hơn về các yếu tố con người, môi trường và sự phát triển hài hòa, bền vững.

Thách thức từ Hiệp định “thế hệ mới” EVFTA

Với các đặc trưng “thế hệ mới”, Hiệp định EVFTA được cho là sẽ đặt Việt Nam trước những thách thức mới, cả từ góc độ cạnh tranh, chi phí tuân thủ và sự giới hạn của không gian chính sách.

Những thách thức cạnh tranh

Trên thế giới, EU là đối thủ cạnh tranh mạnh ở nhiều khía cạnh. Trong lĩnh vực hàng hóa, EU là khu vực xuất khẩu hàng đầu thế giới về các sản phẩm máy móc thiết bị, dược phẩm, phương tiện vận tải, một số loại nông sản. Về dịch vụ, các nhà cung cấp tài chính, logistics, viễn thông, phân phối của EU luôn đứng trong nhóm có năng lực cạnh tranh mạnh trên phạm vi toàn cầu. EU cũng là khu vực xuất khẩu các tài sản trí tuệ lớn của thế giới.

Theo yêu cầu tự do hóa cao của một FTA “thế hệ mới”, trong Hiệp định EVFTA, Việt Nam cam kết sẽ loại bỏ hầu như toàn bộ các dòng thuế cho hàng

hóa nhập khẩu từ EU, mở cửa thêm nhiều thị trường dịch vụ (trong đó có logistics, viễn thông) cho nhà cung cấp dịch vụ EU, cũng như đưa ra các cam kết mạnh để bảo hộ sở hữu trí tuệ EU, đặc biệt là các chỉ dẫn địa lý của khu vực này. Điều này chắc chắn sẽ khiến cho cạnh tranh trên thị trường nội địa Việt Nam giữa các hàng hóa, dịch vụ Việt Nam tương tự với sản phẩm EU trở nên khó khăn, phức tạp hơn. Các doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm này trên thị trường Việt Nam sẽ phải chịu những sức ép rất lớn từ các đối thủ mạnh EU.

Tuy nhiên, trong tổng thể, có một số cơ sở để tin rằng, Việt Nam có thể hóa giải các thách thức cạnh tranh này. Thứ nhất, về thương mại hàng hóa, phần nhiều các sản phẩm dự kiến sẽ gia tăng nhập khẩu từ EU sau Hiệp định EVFTA là các sản phẩm mà Việt Nam có nhu cầu cao, trong khi sản xuất trong nước hoặc là chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng, hoặc là đáp ứng cho những phân khúc tiêu dùng thấp, không cạnh tranh trực diện với các sản phẩm EU. Thứ hai, về mở cửa thị trường dịch vụ, kinh nghiệm của hội nhập WTO về dịch vụ cho thấy càng có sức ép thì các nhà cung cấp dịch vụ Việt Nam càng có động lực để cải thiện năng lực cạnh tranh, hoàn thiện chính mình.

Hơn thế nữa, trong nhiều thị trường dịch vụ, cạnh tranh và hợp tác luôn đan xen, các doanh nghiệp dịch vụ Việt Nam trong khi cạnh tranh vẫn có thể tranh thủ hợp tác với các đối tác EU để phát triển, nhất là trong những khía cạnh hoạt động mà Việt Nam mới chỉ mở cửa có điều kiện cho EU. Thứ ba, trước EU, Việt Nam cũng đã mở cửa khá rộng (ví dụ theo Hiệp định CPTPP) cho những đối tác có thể mạnh cạnh tranh tương tự EU, do đó, các doanh nghiệp và nền kinh tế đã được tập dượt ở mức độ đáng kể để đối mặt với các thách thức từ EVFTA.

Thách thức từ chi phí tuân thủ

Với các cam kết tiêu chuẩn cao trên hầu hết các khía cạnh, Hiệp định

EVFTA đòi hỏi Việt Nam phải thay đổi nhiều chuẩn mực liên quan trong cả hiện tại và tương lai. Trong phần lớn các trường hợp, sự thay đổi này khiến Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội phải bỏ ra nhiều chi phí hơn để thực hiện, trước khi có thể cảm nhận được các lợi ích bền vững trong lâu dài từ các tiêu chuẩn cao này. Ví dụ, để thực hiện cam kết về tiêu chuẩn lao động, môi trường, doanh nghiệp có thể sẽ phải bỏ ra nhiều chi phí hơn hiện tại để điều chỉnh quy trình sản xuất, điều kiện lao động, công nghệ xử lý ô nhiễm tiếng ồn, bụi, chất thải, về truy xuất nguồn gốc nhằm đáp ứng các quy chuẩn, chỉ tiêu, yêu cầu cao hơn.

Trong bối cảnh phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam có quy mô nhỏ và vừa, thậm chí siêu nhỏ, luôn trong tình trạng thiếu hụt nguồn vốn, việc phải gánh thêm các chi phí này chắc chắn sẽ là sức ép lớn cho doanh nghiệp. Trong một số trường hợp, chi phí thực thi không chỉ đơn giản là chi phí tính bằng tiền. Ví dụ liên quan tới cam kết về quyền tự do liên kết người lao động, trong bối cảnh pháp luật Việt Nam chưa từng có quy định về vấn đề này, và hệ thống công đoàn trước nay đang triển khai theo một cơ chế hoàn toàn khác biệt, việc triển khai cam kết này đòi hỏi các “chi phí” từ nhiều góc độ.

Với Nhà nước, việc thiết lập một chế định hoàn toàn mới, với rất nhiều các vấn đề xung quanh việc quản lý, thực hiện, giám sát, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan, điều chỉnh quan hệ tương tác với các chế định khác trong pháp luật về lao động đòi hỏi phải soạn thảo và ban hành mới các quy định pháp luật (pháp luật lao động) và điều chỉnh các quy định liên quan (pháp luật công đoàn), phải xây dựng và vận hành cơ chế, bộ máy quản lý Nhà nước mới tương ứng. Với các doanh nghiệp, thực thi cam kết này đòi hỏi doanh nghiệp phải thay đổi quy chế nội bộ, thay đổi về nhận thức, cách thức vận hành quan hệ lao động tương ứng trong doanh nghiệp. Về phía người lao

động, mặc dù đây là quyền của người lao động nhưng để hiện thực hóa quyền này, người lao động cũng phải mất chi phí để tìm hiểu, nâng cao năng lực trong lựa chọn các tổ chức đại diện phù hợp.

Ngoài ra, đối với các cam kết theo dạng ràng buộc trong tương lai, ví dụ các cam kết bảo đảm các quyền của nhà đầu tư EU theo Hiệp định EVFTA, chi phí tuân thủ có thể còn bao gồm cả các rủi ro về các khoản bồi thường trong trường hợp các cơ quan Nhà nước thua kiện trong các vụ tranh chấp đầu tư quốc tế với nhà đầu tư nước ngoài. Có thể thấy, chi phí tuân thủ thực sự là một thách thức lớn cho Việt Nam trong thực thi Hiệp định EVFTA. Tuy nhiên, có những cơ sở để tin rằng, Việt Nam có thể xử lý tốt thách thức này.

Thứ nhất, trong những trường hợp mà cam kết hoàn toàn phù hợp với định hướng chính sách của Việt Nam (ví dụ nâng cao mức bảo vệ môi trường, cải thiện một bước điều kiện lao động cho người lao động), bản thân Việt Nam đã có sự chuẩn bị và sẵn sàng tâm thế để bỏ ra các chi phí này. Thứ hai, với nhiều cam kết, các tiêu chuẩn cao được dự kiến trong tương lai mà không phải ngay hiện tại, do đó không đòi hỏi chi phí tuân thủ ngay lập tức. Cuối cùng, cần chú ý rằng trong Hiệp định EVFTA, EU có các cam kết về các hỗ trợ kỹ thuật nhất định để giúp Việt Nam có thể triển khai các cam kết phức tạp.

Thách thức từ sự hạn chế không gian chính sách

Các cam kết về quy tắc, thể chế là một đặc trưng của FTA “thế hệ mới” trong Hiệp định EVFTA. Các cam kết này đưa ra những yêu cầu phải tuân thủ trong nhiều khía cạnh quản lý Nhà nước liên quan tới thương mại, đầu tư. Điều này tạo ra những khung khổ có tính ràng buộc mà các biện pháp pháp luật hay chính sách của Nhà nước trong các lĩnh vực liên quan bị giới hạn, do đó “không gian” tự do hành động của Nhà nước bị thu hẹp.

Ví dụ, với các cam kết về cạnh tranh

và doanh nghiệp Nhà nước trong Hiệp định EVFTA, các biện pháp trợ cấp, hỗ trợ hoặc can thiệp vào thị trường trong một số trường hợp sẽ không thể thực hiện được. Cũng như vậy, với các chính sách công nghiệp nhằm tập trung phát triển một số ngành mũi nhọn, tạo đà cho sự phát triển chung của nền sản xuất công nghiệp Việt Nam, nhiều biện pháp hỗ trợ sẽ không còn phù hợp. Lựa chọn chính sách của Nhà nước trong nhiều trường hợp sẽ bị hạn chế bởi các cam kết quy tắc này.

Tuy nhiên, ở một góc độ khác, không phải khi nào sự thu hẹp không gian chính sách của Nhà nước dưới ảnh hưởng của Hiệp định EVFTA nói riêng và các FTA thế hệ mới nói chung cũng là thách thức quá lớn. Trong nhiều trường hợp, ngay cả khi chưa có các cam kết này, Việt Nam cũng đã đang tự giới hạn mình ở các không gian tương ứng, với nhu cầu tự thân trong việc tạo ra một môi trường thể chế kinh tế ổn định, an toàn và thuận lợi cho hoạt động thương mại - đầu tư. Các quy định của Hiệp định EVFTA chỉ khiến những lựa chọn tự nguyện này của Việt Nam thành những cam kết chắc chắn mà thôi. Ví dụ các cam kết liên quan tới các biện pháp quản lý dịch vụ viễn thông, thương mại điện tử hoặc mở cửa đầu tư vào các ngành sản xuất. Ngoài ra, Hiệp định EVFTA vẫn ghi nhận các ngoại lệ quan trọng (về an ninh quốc phòng, trật tự công cộng...) cho phép Việt Nam có thể vượt ra khỏi không gian chính sách ràng buộc bởi các cam kết trong Hiệp định EVFTA trong những trường hợp cần thiết.

Tóm lại, với tính chất là một FTA thế hệ mới, Hiệp định EVFTA được đánh giá là sẽ mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội đặc biệt và những thách thức đáng kể ở cả các khía cạnh kinh tế, thể chế và phát triển bền vững. Mặc dù vậy, các cơ hội được đánh giá là lớn hơn, và các thách thức mặc dù đáng chú ý nhưng đều có các cơ chế khả thi để giảm thiểu tác động. ■